

Unit 4

SCHOOL EDUCATION SYSTEM

TRỌNG TÂM

1. Kỹ năng ngôn ngữ

• **Đọc:**

Đọc tìm nghĩa tiếng Việt tương đương một số cụm từ về chủ điểm hệ thống giáo dục phổ thông.

Đọc hiểu lấy thông tin chi tiết về hệ thống giáo dục phổ thông ở Anh.

• **Nói:**

Nói về các cấp học trong hệ thống giáo dục phổ thông ở Việt Nam.

• **Nghe:**

Nghe lấy thông tin chi tiết về việc học tập trong nhà trường phổ thông.

• **Viết:**

Viết mô tả hệ thống giáo dục phổ thông ở Việt Nam.

2. Trọng tâm ngôn ngữ

• **Phát âm:** Trọng âm trong các từ có ba âm tiết.

• **Ngữ pháp và từ vựng:**

– Dạng bị động

– Từ ngữ diễn đạt một số vấn đề về hệ thống giáo dục quốc dân.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

• Máy và băng cát xét.

• Tranh ảnh trong sách giáo khoa và các giáo cụ trực quan khác.

A. READING

Before you read

Yêu cầu HS quan sát tranh minh hoạ, làm việc theo cặp mô tả tình huống trong tranh, nói tên các cấp học phổ thông bằng tiếng Anh.

GV có thể gợi ý để cho nghĩa một số từ:

primary school, lower secondary school, upper secondary school

HS theo cặp, đọc các '*Facts about schools*' và làm câu hỏi T/F .

Yêu cầu HS đoán nội dung của bài đọc.

GV dẫn dắt vào nội dung của bài đọc.

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5
T	F	T	F	T

While you read

Cho HS đọc thầm bài đọc và cố gắng hiểu nội dung của bài càng nhiều càng tốt.

Lưu ý HS đọc và đoán các từ mà mình không biết nghĩa bằng cách đọc lại các từ hoặc câu trước và sau từ đó.

Task 1. (Trang 46)

Yêu cầu từng HS đọc nhanh bài đọc, gạch chân các từ, cụm từ được giải thích trong câu hỏi. Có thể hỏi HS tìm nghĩa tiếng Việt tương đương.

HS trao đổi nghĩa tiếng Việt của các cụm từ cho trong bài với người ngồi cạnh mình.

GV gọi một vài HS đọc to từ đã chuyển sang tiếng Việt của mình.

Các HS khác nghe và sửa lỗi nếu có.

ĐÁP ÁN

1. *state schools*
2. *primary education*
3. *secondary education*
4. *compulsory*
5. *the General Certificate of Secondary Education*
6. *curriculum*

Task 2. (Trang 46)

Cá nhân: Yêu cầu HS đọc kỹ lại đoạn văn để trả lời các câu hỏi.

Theo cặp: Cho HS trao đổi câu trả lời với người ngồi cạnh.

Gọi một vài HS đọc câu trả lời (mỗi HS đọc một câu) trước lớp, các HS khác nghe và nhận xét (nếu có).

ĐÁP ÁN

1. *From the age of 5.*
2. *3 terms.*
3. *The state school and the 'independent' or 'public' school systems.*
4. *Yes.*
5. *There are 3 core subjects (English, Maths and Science).*
6. *When the students finish the secondary school, they can take an examination called the General Certificate of Secondary Education.*

After you read

– HS luyện tập theo nhóm từ 4 - 5 HS. Từng HS lần lượt nói về một môn học mà mình thấy khó và mong muốn GV làm gì để giúp mình học tốt môn đó.

Ví dụ : I find history very difficult. It's too long to remember all the historical events. I would learn it better if the teacher could help with a short description of each event.

B. SPEAKING

Luyện nói về các cấp học trong hệ thống giáo dục phổ thông của Việt Nam.

Task 1. (Trang 47)

Yêu cầu HS làm việc theo cặp, nghiên cứu bảng mô tả các bậc học phổ thông trong hệ thống giáo dục Việt Nam.

GV thực hiện hỏi đáp các câu mẫu với một HS hoặc cho hai HS khá thể hiện các câu mẫu.

Theo cặp: HS luyện hỏi và trả lời theo các thông tin trong bảng.

Task 2. (Trang 47)

Theo nhóm HS luyện nói về hệ thống giáo dục phổ thông ở Việt Nam dựa vào các thông tin cho trong Task 1. GV có thể gợi ý để HS nói về từng cấp học, số lượng lớp trong từng cấp và độ tuổi của HS.

Task 3. (Trang 47)

Theo nhóm: Yêu cầu HS tìm những điểm khác biệt giữa hệ thống trường học ở Việt Nam và nước Anh dựa vào nội dung bài đọc. So sánh thông tin ở hai bảng trang 45 và 47. Tập trung vào các điểm như độ tuổi bắt đầu đi học, thời gian học, môn học, ...

C. LISTENING

Luyện nghe lấy thông tin chi tiết về thời HS.

Before you listen

Theo cặp: Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi, có thể yêu cầu HS nói về cảm nghĩ của bản thân về thầy giáo của mình, về môn học ở trường của mình.

GV bật băng (hoặc đọc to) cho HS nghe và nhắc lại các từ, cụm từ trong bài, GV có thể yêu cầu HS nói nghĩa hoặc cho nghĩa một số từ mới nếu cần thiết. Có thể yêu cầu HS khá đoán tình huống của bài nghe.

While you listen**Task 1.** (Trang 48)

Cho HS đọc câu hỏi một hoặc hai phút.

Bật băng cho HS nghe lần 1 yêu cầu nắm ý chính của toàn bài.

Cho HS nghe lần 2, 3 và ghi lại câu trả lời của các câu hỏi từ 1 – 6.

Gọi một vài HS trả lời câu hỏi, các HS khác nghe và cho nhận xét.

ĐÁP ÁN

	Jenny	Gavin
1. <i>"Did you always work very hard?"</i>	✓	✓
2. <i>"Did you always listen carefully to your teachers?"</i>		✓
3. <i>"Did you always behave well?"</i>	✓	
4. <i>"Did you pass your exams easily?"</i>		
5. <i>"Did you always write your homework slowly and carefully?"</i>	✓	✓
6. <i>"Did you think school days are/were the best days of your life?"</i>		

Tapescript

Jenny: Look, these are questions about how you got on at school.

Shall we just go through them?

Gavin: Yes, let's.

Jenny: OK, so, did you always work very hard?

Gavin: Well I certainly worked pretty hard at the subjects I enjoyed. Yes, I did. What about you?

Jenny: Yes, I did actually, I think I worked very hard, yeah. Now let's come to the next question.

Gavin: Did, yeah, did you always listen carefully to your teachers?

Jenny: No I don't think I did. No, I think I was quite disruptive, actually. What about you?

Gavin: Well I think I did listen to the teachers certainly when I got to the level where I was doing the subjects that I enjoyed.

Jenny: Yeah, OK, the next question is, did you always behave well?

Gavin: I don't think I always behaved well. I was, a bit, er, a bit of a tearaway.

Jenny: Um. Well, I think I was pretty well-behaved on the whole, so I'd say yes, yeah.

Gavin: Good for you! Did you pass your exams easily?

Jenny: No I can't say I did, no, I, I found them quite a struggle, actually. What about you?

Gavin: I didn't pass them that easily, though I worked hard I found it very difficult to answer all that long questions in a short time.

Jenny: Yeah, yeah, exactly. What about this one, then? Did you always write slowly and carefully?

Gavin: Quite slowly. Essays took a long time to write and I suppose I took a bit of care, yes.

Jenny: Yes, I agree. I was also, I was very careful and erm, yeah, yeah I was quite methodical.

Gavin: And did you think your school days were the best days of your life?

Jenny: Um, no, no I can't say they were. What about you?

Gavin: No, I went away to boarding school when I was quite young and I didn't like that. No, they weren't the best days of my life.

Task 2. (Trang 48)

- 1. When he enjoyed the subjects.*
- 2. He found it very difficult.*
- 3. Because they were difficult for him to do in a short time.*
- 4. Because he went away to boarding school when he was quite young and he didn't like that. So school days weren't the best days of his life.*

After you listen

Theo cặp, HS nói về kết quả những bài kiểm tra gần đây ở trường và kế hoạch học tập chuẩn bị cho những bài kiểm tra sau.

D. WRITING

- Cá nhân HS đọc và hiểu rõ yêu cầu bài viết.
- Theo cặp HS tìm từ hoặc tham khảo bài đọc để tạo câu theo các gợi ý đã cho. GV có thể dẫn dắt bằng các câu hỏi như :

How many levels of education are there in our school system?

How long does it take to complete each level?

How many classes are there in each level?

When do children start Grade 1?

– Theo nhóm, HS tập viết thể hiện các ý chính của bài viết:

+ primary

+ lower secondary

+ nine-year compulsory education

+ school year

+ GCSE examination

GV quan sát và gợi ý cung cấp từ cho HS khi cần.

– Sau khi các nhóm đã thể hiện bằng câu các ý chính. GV cho HS đọc hoặc viết lên bảng để gợi ý nối các câu/ các ý chính thành bài hoàn chỉnh.

Bài viết gợi ý:

The formal school system in Vietnam consists of two levels of education, primary and secondary education. The children start Grade/ Year 1 at the age of 6 and they normally complete the primary education at the age of 10. They move to lower secondary school to study in Grade 6 when they are eleven years old. They will finish nine-year compulsory education when they complete Grade 9 at the age of 14. The children may go to upper secondary schools if they pass all the subjects tested at the end of Grade 9. They will stay there until they complete Grade 12 at the age of 17. If they want to sit for the entrance exam to universities or colleges they have to take the national examination for GCSE which takes place at the end of May or beginning of June. The academic year in Vietnam runs from September to May and is divided into two terms. The first term ends in January with a week holiday and the second term finishes in May before a long summer holiday comes.

E. LANGUAGE FOCUS

Pronunciation

• Listen and repeat.

+ GV bật băng hoặc đọc mẫu một hoặc hai lượt để HS nhắc theo.

+ Gợi một vài HS đọc lại các từ trong bài.

• **Practise reading these sentences**

+ GV đọc mẫu các câu một lần.

+ HS lắng nghe.

+ GV gọi một vài HS đọc to các câu trước lớp. Lưu ý sửa nếu HS đọc sai.

Grammar

Cá nhân: Yêu cầu HS làm bài tập theo mẫu.

Theo cặp: HS trao đổi kết quả bài làm với người bên cạnh.

GV theo dõi, giải thích hoặc giúp đỡ khi cần thiết.

ĐÁP ÁN

Exercise 1. (Trang 50)

1. *The academic year in England **is divided** into three terms.*
2. *Each term **is separated** by a one-week break.*
3. *The national curriculum **is set** by the government and **must be followed** in all state schools.*
4. *The national curriculum **is made up** of more than ten subjects.*
5. *The state school system **is paid** for by the state.*
6. *The advanced students **are selected** to take part in the annual International Olympic Competition.*

Exercise 2. (Trang 50)

1. *This school was built in 1997.*
2. *This dictionary was first published in 1870.*
3. *A surprise party is going to be organized by the students in my class tomorrow evening.*
4. *The kitchen is being painted now.*
5. *'Romeo and Juliet' was written by Shakespeare in 1605.*
6. *Shakespeare's tragedies have been translated into many languages.*

7. *A new primary school has just been built in my village.*
8. *English will be spoken at the conference.*
9. *The floor hasn't been cleaned (by Jane) yet.*
10. *The house will be repainted soon.*

Exercise 3. (Trang 51)

1. *was built*
2. *were sold*
3. *has been made*
4. *can be bought*
5. *are used*
6. *can be used*
7. *is stored*
8. *are done*
9. *must be told*
10. *can be done*